

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn
đối với Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh năm 2015**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;
Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết
và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 49/2009/QĐ-UBND ngày 20/7/2009 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Quy định tổ chức và hoạt động của Sở Y tế
Đồng Nai; Quyết định số 31/2012/QĐ-UBND ngày 31/5/2012 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức và
hoạt động của Sở Y tế Đồng Nai ban kèm theo Quyết số 49/2009/QĐ-UBND
ngày 20/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ
Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở
khám bệnh, chữa bệnh; Tờ trình số 252/TTr-BV ngày 03/3/2015 của Bệnh viện
Đa khoa khu vực Long Khánh về việc xin phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật
năm 2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh (địa chỉ: Số 133
Đường Hùng Vương, Phường Xuân An, Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai) được
bổ sung thêm 209 kỹ thuật chuyên môn đúng tuyến và 12 kỹ thuật vượt tuyến (danh
mục kèm theo) theo quy định tại Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013
của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ
thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2: Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, quy trình kỹ thuật chuyên môn của Bộ Y tế ban hành để bảo đảm an toàn sức khỏe cho người bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Trưởng phòng Quản lý hành nghề Sở Y tế, Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, NVY.

GIÁM ĐỐC



Huỳnh Minh Hoàn

Số: 252 /TTr-BV

Long Khánh, ngày 03 tháng 3 năm 2015

TỜ TRÌNH

Về việc xin phê duyệt danh mục kỹ thuật bổ sung năm 2015

Căn cứ Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11.12.2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Bệnh viện ĐKKV Long Khánh được nâng hạng bệnh viện hạng II (theo Quyết định số: 1112/QĐ-UBND ngày 10.5.2010 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

Để đáp ứng yêu cầu công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện, Bệnh viện ĐKKV Long Khánh kính đề nghị Sở Y tế Đồng Nai thẩm định và phê duyệt bổ sung các kỹ thuật tuyến trung ương, tuyến tỉnh đang tổ chức thực hiện tại Bệnh viện năm 2015 (có phụ lục đính kèm).

Kính trình Giám đốc Sở Y tế xem xét và chấp thuận.

Nơi nhận:

- Phòng Nghiệp Vụ Y - SYT;
- Lưu.


GIAM ĐỐC

Sử Sơn

BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **253** /BB-BV

Long Khánh, ngày **03** tháng **3** năm 2015

BIÊN BẢN

Về việc thông qua Danh mục kỹ thuật Bệnh viện ĐKKV Long Khánh đề nghị phê duyệt bổ sung năm 2015
(Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11.12.2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Thời gian: 13 giờ 30 phút, ngày 26.02.2015

Thành phần:

- Chủ tọa: BS. Sử Sơn
- Thư ký: BS. Lương Thị Bình
- Thành phần khác:

1. BS. Phan Văn Huyền
2. BS. Đoàn Thị Minh Thúy
3. BS. Vương Bình Tây
4. BS. Nguyễn Văn Thạch
5. BS. Phan Văn Phong
6. BS. Nguyễn Văn Khánh
7. BS. Cao Nguyễn Trường Hải
8. BS. Vĩnh Hưng
9. BS. Đoàn Huỳnh Tuấn Tú
10. BS. Nguyễn Văn Diễn
11. BS. Ngô Quang Thiện
12. BS. Nguyễn Hữu Phước
13. BS. Lê Thị Thao
14. DS. Lê Thị Diệu Phong
15. DS. Hồ Văn Thúc
16. BS. Mã Anh
17. DS. Kiều Kim Loan
18. CN. Huỳnh Thị Kim Phụng
19. DS. Lưu Thị Bích Phượng

Giám đốc

Phó giám đốc

Chủ tịch Hội đồng

Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng

Phó giám đốc

Phó phòng KHTH

Trưởng khoa HSTC, CĐ

Trưởng khoa Nội

Phó trưởng khoa Ngoại

Phó trưởng khoa Liên chuyên khoa

Trưởng khoa PT-GMHS

Trưởng khoa Sản

Phó trưởng khoa Nhi

Trưởng khoa khám bệnh

Trưởng khoa YHCT

Trưởng khoa VLTL-PHCN

Trưởng khoa Dinh dưỡng

Trưởng khoa Dược

Trưởng khoa Xét nghiệm

Trưởng khoa CĐHA

Trưởng khoa KSNK

Trưởng phòng Điều dưỡng

Trưởng phòng VTTBYT

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thông nhất thông qua Danh mục kỹ thuật Bệnh viện ĐKKV Long Khánh đề nghị phê duyệt bổ sung năm 2015 (có phụ lục đính kèm).

THƯ KÝ

CHỦ TỌA



Số: 254 /TTr-BV

Long Khánh, ngày 03 tháng 3 năm 2015

TỜ TRÌNH
Về việc mô tả năng lực của Bệnh viện

Bệnh viện ĐKKV Long Khánh là bệnh viện đa khoa khu vực tuyến tỉnh, hạng II (theo Quyết định số: 1112/QĐ-UBND ngày 10.5.2010 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

Căn cứ Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11.12.2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Bệnh viện ĐKKV Long Khánh là cơ sở khám chữa bệnh có đủ điều kiện thực tế để xây dựng Danh mục kỹ thuật (có danh mục đính kèm) thực hiện tại Bệnh viện theo Thông tư 43/2013/TT-BYT ngày 11.12.2013, cụ thể như sau:

1. Cơ sở vật chất: Bệnh viện có 21 khoa phòng:

05 phòng chức năng: Kế hoạch tổng hợp, Hành chính quản trị-Tổ chức cán bộ, Tài chính kế toán, Vật tư thiết bị y.tế và Điều dưỡng.

12 khoa lâm sàng: Khoa khám bệnh, Hồi sức tích cực-chống độc, Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Truyền nhiễm, Liên chuyên khoa (Mắt, TMH, RHM), Phẫu thuật - GMHS, khoa Y học cổ truyền, khoa VLTL - PHCN và khoa Dinh dưỡng.

04 khoa cận lâm sàng: Dược, Xét nghiệm, Chẩn đoán hình ảnh, Kiểm soát nhiễm khuẩn.

Ngoài ra, Bệnh viện có 03 bộ phận dịch vụ phục vụ: Nhà thuốc, căng tin và nhà giữ xe.

Mỗi khoa/ phòng được sắp xếp ở những vị trí thuận tiện cho công tác khám chữa bệnh phục vụ nhân dân.

2. Nhân lực: Bệnh viện hiện có 464 CBVC, trong đó:

1. Bác sĩ: Sau đại học: 25, Bác sĩ đại học: 28
2. Dược sĩ: Sau đại học: 06, đại học: 03, trung cấp: 28
3. Điều dưỡng: Đại học: 15, cao đẳng: 26, trung cấp: 136
4. Nữ hộ sinh: Đại học: 02, cao đẳng: 03, trung cấp: 34
5. Kỹ thuật viên: 34
6. Nhân viên khác: 154

3. Trang thiết bị y tế: (đính kèm phụ lục1)

Handwritten text in a cursive script, likely a letter or a page from a manuscript. The text is written in dark ink on aged, slightly yellowed paper. The handwriting is fluid and characteristic of the 17th or 18th century. The text is organized into several paragraphs, with some lines indented. The overall appearance is that of a historical document.

Continuation of the handwritten text, separated from the upper section by a horizontal line. The script remains consistent with the upper section, showing a high degree of fluency and a personal style. The text continues to be organized into paragraphs, with some variations in line spacing and indentation. The paper shows signs of wear, including some small stains and a slightly uneven texture.

Phụ lục 1
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Bộ máy dùng trong nội soi	01	
2	Bộ phục hồi chức năng	01	
3	Bơm tiêm tự động	20	
4	Đèn khe khám mắt	01	
5	Đèn mổ di động 1 bóng	01	
6	Đèn mổ di động 4 bóng	01	
7	Đèn mổ treo trần 7 bóng	01	
8	Đèn mổ treo trần 8 bóng	01	
9	Đèn trám răng thẩm mỹ	01	
10	Đèn kính lúp vi phẫu	01	
11	Đèn vàng da	03	
12	Đo độ loãng xương	01	
13	Doppler tim thai	04	
14	Ghế khám Tai - Mũi - Họng	01	
15	Ghế máy nha	1	
16	Giường kéo dẫn cột sống	01	
17	Hệ thống đọc ảnh x-quang kỹ thuật số	01	
18	Hệ thống nội soi DD- ĐT	01	
19	Hệ thống súc rửa dạ dày	01	
20	Hệ thống xử lý nước thải	01	
21	Hệ thống nước chất lượng cao	01	
22	Hệ thống lọc tinh diệt khuẩn	01	
23	Kính hiển vi	05	
24	Kính hiển vi phẫu thuật mắt	01	
25	Lò hấp	06	
26	Lồng dưỡng nhi	01	
27	Máy cạo vôi răng	01	
28	Máy cắt bột	01	
29	Máy cắt đốt	01	
30	Máy CT - Scanner	01	
31	Máy điện não đồ	01	
32	Máy đo chức năng hô hấp	01	
33	Máy đo điện tim 3 cần	06	
34	Máy đo SpO2 (TE & SS)	06	
35	Máy đo khúc xạ tự động	01	
36	Máy đo thính lực	01	
37	Máy đốt cao tần	01	
38	Máy đốt điện	01	
39	Máy gây mê	02	
40	Máy giặt công nghiệp	01	
41	Máy giúp thở	06	
42	Máy gây mê giúp thở	01	

43	Máy giúp thở dùng cho gây mê	02	
44	Máy hút dịch	32	
45	Máy hút khói khử mùi	01	
46	Máy hút sản khoa	01	
47	Máy khoan xương	02	
48	Máy lắc	01	
49	Máy ly tâm	04	
50	Máy monitor	20	
51	Máy monitor tim thai	04	
52	Máy nội soi	01	
53	Máy nội soi Tai - mũi - họng	01	
54	Máy rửa màng lọc	01	
55	Máy phân tích khí máu	01	
56	Máy phun khí dung	13	
58	Máy quay ly tâm	01	
59	Máy rửa phim tự động	01	
60	Máy rửa tay	03	
61	Máy sấy quần áo	01	
62	Máy Shock tim	04	
63	Máy siêu âm màu 2 chiều	01	
64	Máy siêu âm màu 4 chiều	01	
65	Máy siêu âm trắng đen	01	
66	Máy siêu âm trắng đen xách tay	01	
67	Máy soi cổ tử cung	01	
68	Máy tán sỏi	01	
69	Máy tháo lông	02	
70	Máy truyền dịch	09	
71	Máy ủ Elisa	01	
72	Máy X - Quang	04	
73	Nồi cách thủy	01	
74	Nồi Cat	01	
75	Nồi cất nước	01	
76	Thiết bị Laser CO2 siêu xung	01	
77	Thiết bị quang châm	01	
78	Tủ ấm	01	
79	Tủ giữ máu	02	
80	Tủ mát Alaska	01	
81	Tủ sấy	06	
82	Tủ sấy vi sinh code 251	01	
83	Máy siêu âm màu 4 chiều	01	
84	Máy siêu âm màu 2 chiều	01	
85	Máy đông máu tự động	02	
86			
87	Máy xét nghiệm huyết học	02	
88			
89	Máy đo tốc độ máu lắng	02	
90			

91	Máy xét nghiệm nước tiểu Lab Ureader	01	
92	Máy xét nghiệm sinh hóa	02	
93			
94	Máy đo điện giải 5 thông số	01	
95	Máy xét nghiệm miễn dịch	01	
96	Máy phân tích nước tiểu	01	
97	Hệ thống miễn dịch hồng cầu	01	
98	Máy xét nghiệm HBA1C	01	
99	Máy thận nhân tạo thế hệ mới Hemodialysts machine 4008SC - Next generation	02	
100	Máy thận nhân tạo thế hệ mới Hemodialysts machine 4008SC - Next generation	04	
101	Máy M.R.I	1	

Tổng cộng: 101 khoản (247thiết bị)

Phụ lục 2
DỰ TRÙ MUA SẮM & SỬA CHỮA NHÀ CỬA, TÀI SẢN CỐ ĐỊNH,
CHUYÊN MÔN NĂM 2015

ĐVT: 1.000 đồng

A. Mua sắm tài sản cố định: 17.852.200.000 đồng (Dự toán ưu tiên những dụng cụ phục vụ thiết thực cho công tác điều trị)

I. Tài sản cố định chuyên môn: 16.434.000.000 đồng

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1.	Bàn inox để xử lý dụng cụ không chịu nhiệt	Cái	01	9.000	9.000	
2.	Bộ chỉnh hình	Bộ	01	10.000	10.000	
3.	Bộ đo nhãn áp bằng nhãn áp kế	Bộ	01	70.000	70.000	
4.	Bộ dụng cụ sửa máy	Cái	01	5.000	5.000	
5.	Bộ dụng cụ tiểu phẫu nhỏ răng khôn	Bộ	02	10.000	20.000	
6.	Bộ lọc khí thở ra và bẫy nước	Bộ	10	1.900	19.000	
7.	Bộ mổ nội soi Karl Storz	Bộ	01	1.000.000	1.000.000	
8.	Bộ mổ xoang	Bộ	01	10.000	10.000	
9.	Bộ mổ nội soi	Bộ	01	10.000	10.000	
10.	Bộ ống soi mũi xoang, thanh quản các cỡ	Bộ	02	20.000	40.000	
11.	Bộ phẫu thuật răng hàm mặt	Bộ	02	10.000	20.000	
12.	Bộ quặm	Bộ	02	10.000	20.000	
13.	Bộ sọ não	Bộ	02	10.000	20.000	
14.	Bộ tháo vis	Bộ	01	10.000	10.000	
15.	Bộ tiểu phẫu	Bộ	04	20.000	80.000	
16.	Bộ trung phẫu Đức	Bộ	01	100.000	100.000	
17.	Bộ vi phẫu mạch máu	Bộ	01	10.000	10.000	
18.	Bơm Ebara	Cái	02	20.000	40.000	
19.	Bơm Nocchi	Cái	02	25.000	50.000	
20.	Cáp máy đo SPO ₂	Cái	01	6.000	6.000	
21.	Cassette	bộ	02	26.000	52.000	
22.	Chai oxy nhỏ	Chai	10	2.000	20.000	
23.	Đầu dò âm đạo SA 4D	Cái	01	100.000	100.000	
24.	Đầu dò máy monitor theo dõi bệnh nhân	Cái	01	6.000	6.000	
25.	Đầu dò siêu âm âm đạo + máy siêu âm	Cái	01	800.000	800.000	
26.	Đèn Clar	Bộ	01	7.000	7.000	
27.	Đèn đặt nội khí quản khó	Bộ	02	20.000	40.000	
28.	Đèn soi đáy mắt	Cái	01	5.000	5.000	
29.	Ghế tập mạnh tay chân	Cái	01	10.000	10.000	
30.	Giường tập vật lý trị liệu	Cái	02	5.000	10.000	
31.	Hệ thống đèn chiếu tia cực tím	Bộ	01	50.000	50.000	
32.	Hệ thống lọc vi trùng nước RO	Bộ	01	15.000	15.000	
33.	Kềm cắt đinh cộng lực	Cái	02	5.000	10.000	
34.	Kềm Clotest nội soi	Cái	10	5.000	50.000	
35.	Kềm gấp dị vật cho ống nội soi mềm (kẹp răng cá sấu)	Cái	01	6.000	6.000	

	XXVI.	VI PHẪU		
		<i>Đ. CÁC CHUYÊN KHOA NGOẠI KHÁC</i>		
11.	33	Chuyển vật da có nối hoặc ghép mạch vi phẫu	X	X
12.	36	Phẫu thuật tái tạo các tổn khuyết bằng vật vi phẫu	X	X

Tổng cộng: 12 kỹ thuật

DUYỆT SỞ Y TẾ



Huỳnh Minh Hoàn

GIÁM ĐỐC



Sử Sơn

Phụ lục 2

PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT VÀ DANH MỤC KỸ THUẬT TUYỂN TỈNH
ĐỀ XUẤT SỞ Y TẾ DUYỆT BỔ SUNG NĂM 2015
(Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11.12.2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STTBV	STT DMKT TT43 BYT	Tên kỹ thuật	Kỹ thuật tuyển tỉnh	Thực hiện
	I.	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC		
1.	A.	TUẦN HOÀN		
2.	40	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm	x	x
3.	41	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu	x	x
	C.	THẬN – LỌC MÁU		
4.	172	Đặt catheter lọc máu cấp cứu	x	x
5.	173	Lọc máu cấp cứu (ở người chưa có mở thông động tĩnh mạch)	x	x
	D.	TIÊU HÓA		
6.	219	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	x	x
	E.	TOÀN THÂN		
7.	260	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)	x	x
	II.	NỘI KHOA		
		D. THẬN TIẾT NIỆU		
8.	169	Chăm sóc catheter TMTT trong lọc máu	x	x
9.	170	Chăm sóc và bảo quản catheter tĩnh mạch trung tâm trong lọc máu	x	x
10.	183	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh để lọc máu cấp cứu	x	x
11.	185	Đặt catheter hai nòng tĩnh mạch cảnh trong để lọc máu	x	x
12.	186	Đặt catheter hai nòng tĩnh mạch dưới đòn để lọc máu	x	x
13.	187	Đặt catheter một nòng hoặc hai nòng tĩnh mạch đùi để lọc máu	x	x
14.	191	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh để lọc máu cấp cứu	x	x
		Đ. TIÊU HÓA		
15.	272	Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori	x	x
	V.	DA LIỄU		
		B. NGOẠI KHOA		
16.	69	Phẫu thuật điều trị móng cuộn, móng quặp	x	x

72.	2428	Hồi sức phẫu thuật KHX toác khớp mu (trật khớp)	x	x
73.	2485	Hồi sức phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính	x	x
74.	2881	Hồi sức phẫu thuật nội soi khâu mạc treo	x	x
	D.	GÂY TÊ		
75.	3101	Gây tê phẫu thuật bong hay đứt dây chằng bên khớp gối	x	x
76.	3111	Gây tê phẫu thuật các trường hợp chấn thương vùng đầu mặt cổ: chấn thương chính mũi, chấn thương các xoang hàm, sàng, chấn gãy xương hàm trên dưới	x	x
77.	3176	Gây tê phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ	x	x
78.	3190	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt	x	x
79.	3288	Gây tê phẫu thuật cắt tĩnh mạc	x	x
80.	3481	Gây tê phẫu thuật cố định kết hợp xương nếp vit gãy thân xương cánh tay	x	x
81.	3603	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng vật có sử dụng vi phẫu thuật	x	x
82.	3611	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	x	x
83.	3698	Gây tê phẫu thuật ghép xương tự thân (chưa bao gồm các phương tiện cố định)	x	x
84.	3719	Gây tê phẫu thuật khâu da thi II	x	x
85.	3755	Gây tê phẫu thuật KHX gãy dài quay	x	x
		Đ. AN THẦN		
86.	4460	An thần bệnh nhân khi chụp hình ở khoa chẩn đoán hình ảnh	x	x
87.	4465	An thần bệnh nhân phải nắn xương	x	x
88.	4466	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi sức	x	x
89.	4467	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi tỉnh	x	x
90.	4533	An thần phẫu thuật nội soi chữa ngoài tử cung	x	x
91.	4680	An thần phẫu thuật nội soi mở sàng hàm	x	x
92.	4760	An thần sau phẫu thuật chấn thương không sốc hoặc sốc nhẹ	x	x
93.	4761	An thần sau phẫu thuật chấn thương sọ não	x	x
94.	4763	An thần sau phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính	x	x
	X.	NGOẠI KHOA		
		A. THẦN KINH - SỌ NÃO		
		1. Sọ não		
95.	6	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng dưới lều tiểu não (hồ sau)	x	x
96.	7	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não	x	x
97.	8	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính	x	x

98.	9	Phẫu thuật lấy màu tụ dưới màng cứng mạn tính một bên	x	x
99.	10	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên	x	x
100.	13	Phẫu thuật xử lý vết thương xoang hơi trán	x	x
		2. Phẫu thuật nhiễm trùng		
101.	29	Phẫu thuật viêm xương sọ	x	x
102.	32	Phẫu thuật nhiễm khuẩn vết mổ	x	x
		4. Dịch não tủy		
103.	57	Chọc dịch não tủy thất lưng (thủ thuật)	x	x
		D. TIÊU HÓA		
		2. Dạ dày		
104.	454	Cắt dạ dày hình chêm	x	x
105.	469	Mở cơ môn vị	x	x
106.	471	Mở dạ dày xử lý tổn thương	x	x
		5. Ruột thừa-đại tràng		
107.	513	Cắt túi thừa đại tràng	x	x
		7. Tầng sinh môn		
108.	554	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)	x	x
109.	561	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3 giờ và 9 giờ)	x	x
110.	565	Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	x	x
		Đ. GAN - MẬT - TỤY		
		1. Gan		
111.	609	Chèn gạc nhu mô gan cầm máu	x	x
112.	611	Cắt chỏm nang gan	x	x
113.	617	Dẫn lưu áp xe tồn dư sau mổ gan	x	x
		3. Tụy		
114.	640	Khâu vết thương tụy và dẫn lưu	x	x
	XI.	BỔNG		
		A. ĐIỀU TRỊ BỔNG		
115.	18	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 5%-10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x
116.	21	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x
117.	24	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bóng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x
118.	27	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bóng sâu từ 1% - 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x

208.	400	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng chân bằng vật da có sử dụng kỹ thuật vi phẫu	x	x
209.	401	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn chân bằng ghép da có sử dụng kỹ thuật vi phẫu	x	x

Tổng cộng: 209 kỹ thuật

DUYỆT SỞ Y TẾ



Huỳnh Minh Hoàn

GIÁM ĐỐC



Sử Sơn

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn
đối với Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh năm 2015

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;
Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết
và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 49/2009/QĐ-UBND ngày 20/7/2009 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Quy định tổ chức và hoạt động của Sở Y tế
Đồng Nai; Quyết định số 31/2012/QĐ-UBND ngày 31/5/2012 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức và
hoạt động của Sở Y tế Đồng Nai ban kèm theo Quyết số 49/2009/QĐ-UBND
ngày 20/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ
Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở
khám bệnh, chữa bệnh; Tờ trình số 1586/TTr-BV ngày 03/11/2015 của Bệnh
viện Đa khoa khu vực Long Khánh về việc xin phê duyệt bổ sung danh mục kỹ
thuật năm 2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh (địa chỉ: Số 133
Đường Hùng Vương, Phường Xuân An, Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai) được
bổ sung thêm 64 kỹ thuật chuyên môn đúng tuyến (danh mục kèm theo) theo
Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định

chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2: Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, quy trình kỹ thuật chuyên môn của Bộ Y tế ban hành để bảo đảm an toàn sức khỏe cho người bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế, Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, NVY.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Quang Trung

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn
đối với Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh năm 2015**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;
Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết
và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 49/2009/QĐ-UBND ngày 20/7/2009 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Quy định tổ chức và hoạt động của Sở Y tế
Đồng Nai; Quyết định số 31/2012/QĐ-UBND ngày 31/5/2012 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức và
hoạt động của Sở Y tế Đồng Nai ban kèm theo Quyết số 49/2009/QĐ-UBND
ngày 20/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ
Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở
khám bệnh, chữa bệnh; Tờ trình số 1586/TTr-BV ngày 03/11/2015 của Bệnh
viện Đa khoa khu vực Long Khánh về việc xin phê duyệt bổ sung danh mục kỹ
thuật năm 2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh (địa chỉ: Số 133
Đường Hùng Vương, Phường Xuân An, Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai) được
bổ sung thêm 64 kỹ thuật chuyên môn đúng tuyến (danh mục kèm theo) theo
Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định

chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2: Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, quy trình kỹ thuật chuyên môn của Bộ Y tế ban hành để bảo đảm an toàn sức khỏe cho người bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế, Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Quang Trung

Số: 1586/TTTr-BV

Long Khánh, ngày 03 tháng 11 năm 2015

TỜ TRÌNH

**Về việc xin phê duyệt bổ sung một số danh mục kỹ thuật tuyến tính
đang thực hiện tại Bệnh viện năm 2015**

Căn cứ Phân tuyến kỹ thuật và danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11.12.2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Để đáp ứng yêu cầu công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện, Bệnh viện ĐKKV Long Khánh kính đề nghị Sở Y tế Đồng Nai thẩm định và phê duyệt bổ sung một số kỹ thuật tuyến tính, đang thực hiện tại Bệnh viện năm 2015 (có phụ lục đính kèm).

Kính trình Giám đốc Sở Y tế xem xét và chấp thuận.

Nơi nhận:

- Phòng Nghiệp vụ Y-SYT;
- Lưu VT, KHTH.



Lương Thị Bình

Phụ lục
DANH MỤC KỸ THUẬT TUYỂN TỈNH ĐANG THỰC HIỆN
TẠI BỆNH VIỆN ĐỀ XUẤT SỞ Y TẾ DUYỆT BỔ SUNG NĂM 2015
 (Kèm theo Tờ trình số 196 /TTr-BV ngày 03.11.2015 Bệnh viện ĐKKV Long Khánh)

STT BV	STT DMKT TT43 BYT	Tên kỹ thuật	Tuyển tỉnh	Đang thực hiện
	XXII.	UNG BƯỚU		
		A. ĐẦU- CỔ		
1.	7	Cắt các loại u vùng hàm mặt có đường kính 5 đến 10 cm	x	x
		C. HÀM-MẶT		
2.	46	Cắt u vùng hàm mặt đơn giản	x	x
3.	70	Cắt nang răng đường kính dưới 2cm	x	x
4.	71	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2cm	x	x
5.	72	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2-5cm	x	x
6.	83	Cắt u lợi đường kính dưới hoặc bằng 2cm	x	x
7.	84	Cắt u lợi đường kính 2cm trở lên	x	x
8.	88	Cắt u tuyến nước bọt phụ		
	XVI.	RĂNG- HÀM -MẶT		
		A. RĂNG		
9.	38	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite	x	x
10.	39	Điều trị áp xe quanh răng cấp	x	x
11.	42	Chích áp xe lợi	x	x
12.	60	Điều trị tủy răng ngoài miệng răng bị bật, nhỏ	x	x
13.	61	Điều trị tủy lại		
14.	67	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement GIC có sử dụng laser	x	x
15.	70	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement	x	x
16.	71	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement	x	x
17.	72	Phục hồi cổ răng bằng Composite	x	x

18.	197	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	x	x
19.	198	Phẫu thuật nhổ răng ngầm	x	x
20.	199	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	x	x
21.	200	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	x	x
22.	201	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	x	x
23.	202	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng	x	x
24.	207	Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng	x	x
25.	208	Phẫu thuật tạo hình xương ổ răng	x	x
26.	209	Phẫu thuật mở xương cho răng mọc	x	x
27.	210	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng	x	x
28.	211	Phẫu thuật cắt cuống răng	x	x
29.	212	Phẫu thuật cắt nạo xương ổ răng	x	x
30.	213	Cắt lợi xơ cho răng mọc	x	x
31.	214	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	x	x
32.	215	Cắt lợi di động để làm hàm giả	x	x
33.	216	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	x	x
34.	217	Phẫu thuật cắt phanh môi	x	x
35.	218	Phẫu thuật cắt phanh má	x	x
36.	221	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	x	x
37.	222	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp	x	x
38.	223	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	x	x
39.	226	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement	x	x
40.	227	Hàn răng không chân sang chân với GlassIonomer Cement	x	x
41.	240	Chích áp xe lợi trẻ em	x	x
42.	247	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng chỉ thép	x	x
43.	248	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vis hợp kim	x	x
44.	250	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng chỉ thép	x	x
45.	268	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép	x	x

46.	269	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới nẹp vis hợp kim	x	x
47.	271	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép	x	x
48.	272	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vis hợp kim	x	x
49.	274	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng chỉ thép	x	x
50.	275	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vis hợp kim	x	x
51.	277	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép	x	x
52.	278	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vis hợp kim	x	x
53.	285	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng máng phẫu thuật	x	x
54.	287	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng buộc nút Ivy cố định 2 hàm	x	x
55.	288	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn cố định 2 hàm	x	x
56.	290	Điều trị bảo tồn gãy lồi cầu xương hàm dưới	x	x
57.	291	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt	x	x
58.	299	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng-hàm mặt	x	x
59.	321	Phẫu thuật cắt lồi xương	x	x
60.	325	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo rò điều trị viêm xương hàm	x	x
61.	328	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên	x	x
62.	330	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên có can thiệp xoang	x	x
63.	331	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới	x	x
64.	336	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây tê	x	x

Tổng cộng: 64 kỹ thuật



DUYỆT SỞ Y TẾ
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Quang Trung



Lương Thị Bình